



Truyện-Kiều - siêu nhan

English for Business Students (Speaking) (Trường Đại học Ngoại thương)



Scan to open on Studeersnel

TRUYỆN KIỀU

• VỀ NỘI DUNG

A. Khánh Linh: GIÁ TRỊ HIỆN THỰC CỦA TRUYỆN KIỀU

1. Truyện Kiều – bản cáo trạng danh thép vạch trần xã hội bất công, tàn bạo, nơi mà các tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám sẵn sàng tước đoạt đi quyền sống của con người

Dẫn: Bàn về giá trị hiện thực và tố cáo của Truyện Kiều, Đặng Thai Mai nhận xét: “Truyện Kiều là một bản cáo trạng bằng thơ, bằng hình tượng nghệ thuật, để bộc lộ tất cả cái thói tha của chế độ phong kiến đang sa đọa trên con đường tan rã”. Quả đúng như vậy, thế giới trong Truyện Kiều xấu xa đến cùng cực, khi quyền sống và quyền được làm người của con người bị tước đoạt một cách không thương tiếc. Là một trong những người sống trong thời đại đó, hơn ai hết, Nguyễn Trãi hiểu rất rõ hiện thực tàn khốc ấy. Bởi thế, Truyện Kiều không phải là tác phẩm được chuyển thể từ văn xuôi sang thơ một cách thuần túy, đó là máu, là nước mắt, là nỗi lòng, là trải nghiệm cay đắng của Nguyễn Du:

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

* Giáo sư Lê Đình Kỵ từng nói: “không phải là chuyện thương hải tang điền siêu hình mà là một cục thế đã diễn ra, những điều đã được thể nghiệm. Chuyện bể dâu, những điều trông thấy ở đây trước hết gắn liền với sự suy sụp không gì có thể cứu vãn được của xã hội phong kiến đương thời, với nỗi căm giận tuyệt vọng trước sự thối nát của giai cấp thống trị, với nỗi xót xa trước những đau khổ của con người, với những ước mơ hy vọng bừng sáng lên nhưng rồi lại bị dập tắt”.

a) Xã hội mà bọn quan lại ngang ngược, tham lam là nguồn cơn của mọi sự bất công, đại diện cho sự nhơ bẩn của phong kiến

- Hiện thực xã hội được khắc họa qua những lăng kính khác nhau, trước hết là ở hình ảnh của giai cấp thống trị quan lại.

Một ngày lạ thói sai nha

Làm cho khốc liệt chẳng qua vì tiền

+ Chưa ở đâu và chưa ở một tác phẩm nào, những vị quan lại xuất hiện với nhân cách bỉ ổi và đều giả đến như vậy. Nhà thơ đã không sợ hãi bất cứ một thế lực nào, sự lụi tàn trong nhân cách của những kẻ thuộc tầng lớp thống trị bị Nguyễn Du vạch trần không thương tiếc:

Phép công chiều án luận vào

Có hai đường ấy muốn sao mặc mình

Một là cứ phép gia hình,

Hai là lại cứ lầu xanh phó về

+ Quan lại coi thường pháp luật, tự cho mình quyền quyết định cuộc sống của người khác, không chút lương tâm. Chuyện sống chết của con người được xem như chuyện đùa. Tất cả những “cửa công”, “phép công”, những “mặt sắt”, “lập nghiêm”, những “chiếu án luận vào” đều không khiến cái ác được phơi bày, mà còn khiến cho những con người vô tội phải chịu biết bao trận đòn roi hằn sâu vào da thịt

- Đau đớn thay, nỗi nề thay cho những con người vốn dĩ phải là đầy tớ của nhân dân, nay lại thối nát đến tận xương tủy, bị rút cạn đi tính người. Một “họ Hoạn danh gia” nhưng lại là chốn địa ngục trần gian. Một “Tổng đốc Đại thần” Hồ Tôn Hiến đại diện cho triều đình nhưng lại ti tiện, hèn hạ, phản trắc, lừa giết một người đã quy hàng (Từ Hải); góp phần đẩy Thúy Kiều vào bước đường cùng của cuộc đời, không thể phản kháng. Hình tượng của quan lại được miêu tả đầy tính khinh miệt và đả kích:

*Hàn huyên chưa kịp giải dề,
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao.
Người nách thước, kẻ tay đao;
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi*

Người xưa có câu:

*Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan*

b) Vạch trần địa ngục trần gian mang tên nhà chứa

- Hiện thực còn được khắc họa qua hình ảnh của những nhà chứa, nơi mà số phận của người phụ nữ thời phong kiến được khắc họa rõ nét nhất, đủ đắng, cay, tủi, nhục. Ở đây họ bị xem như một món hàng, tạp nham những kẻ lừa dối đến để mua sắc:

*Biết bao bướm lả ong lơi
Cuộc say đây tháng, trận cười suốt năm
Dập đầu lá gió cành chim
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràn Khanh.*

+ Chỉ với vài câu thơ, Nguyễn Du đã khắc họa rõ nét hình ảnh của những nhà chứa lúc bấy giờ, với giọng điệu đầy khinh bỉ, về một thế lực đen tối khác, độc ác không kém gì quan lại, đó là sự hoành hành tặc quái của bọn buôn thịt bán người.

+ Ngòi bút sắc sảo và cái nhìn tinh táo của Nguyễn Du đã cho chúng ta thấy lâu xanh, kĩ viện không chỉ là chốn đi về của khách làng chơi mà là địa ngục trần gian ẩn sau vẻ xa hoa tráng lệ.

Cũng ở đây, Thúy Kiều đã nếm trải đủ mùi cay đắng: Có đòn roi, có nhục mạ, có lọc lừa, có cưỡng bức... Với những thủ đoạn đê hèn nhất, Tú Bà cùng với Sở Khanh đã đập tan mọi toan tính phản kháng dù chỉ còn thoi

thóp ở Kiều. Đau đớn xiết bao khi người con gái có ý thức cao về nhân phẩm đó lại phải tuyên bố từ bỏ nhân phẩm của mình:

*Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chữa.*

c) Hiện thực khi những kẻ lưu manh, gian trá, ham tiền tài lộng hành

- Tác giả còn khắc họa một thời đại nơi những kẻ lưu manh, côn đồ sớm ngày lật mặt, đổi trắng thay đen, giả nhân giả nghĩa mà ức hiếp, bóc lột, chà đạp không thương tiếc những con người hiền lành, vô tội.

+ Bên cạnh bọn quan quyền thế là một lũ lưu manh từ những kẻ chuyên nghề buôn bán người đến bọn Khuyển Ưng, Khuyển Phệ nhà họ Hoạn, tất cả chỉ biết có tiền. Ta không thể quên hình ảnh quan lại vì tiền mà bất chấp công lí; sai nha vì tiền mà tra tấn tàn nhẫn cha con Vương Ông; một Mã Giám Sinh “mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao”, một Tú Bà “thoắt trông lờn lợt màu da”, một Sở Khanh “hình dong chải chuốt áo khăn dịu dàng”, mỗi tên một vẻ nhưng chúng đều là một cốt một đồng, chung một nghề nghiệp kiếm ăn trên thân xác con người. Hay Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà sống bằng nghề buôn thịt bán người; Khuyển Ưng vì tiền mà đốt nhà, cướp người, lao đầu vào cái ác.

+ Truyện Kiều còn dựng lên hình ảnh Hoạn Thư - một tiểu thư con quan Lại Bộ, tuy thông minh sắc sảo có thừa nhưng cũng có cái tàn nhẫn, thâm hiểm của con nhà quý tộc:

*Bề ngoài thon thót nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao*

Nàng nghĩ ra kế đốt nhà, bắt cóc, cướp Kiều đem về cho mẹ ngược đãi rồi bày ra cảnh gặp gỡ éo le chua xót giữa Kiều và Thúc Sinh để dày vò Kiều:

*Vợ chồng chén tạc chén thù
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi
Bắt khoan bắt nhặt đến lời
Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay*

+ Chỉ vài nét phác họa, Nguyễn Du đã vẽ nên chân dung điển hình cho những hạng người xấu xa này. Nếu như thế lực quan lại đã lấy đi của Kiều viễn cảnh cuộc đời bình yên tươi sáng, xô giạt đời nàng trên những bước đường lưu ly chìm nổi thì bọn buôn thịt bán người như Mã Giám Sinh, Tú Bà... là những kẻ đã đưa nàng xuống đáy sâu xã hội, xuống vực thẳm của sự nhơ nhớp.

* Số phận bất hạnh của Thúy Kiều khiến vạn đời sau còn xót thương:

*Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc
Sắc tài sao mà lại lấm truyên chuyên...
Bống quý Kiều như đời dân tộc
Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiền Đường*

* Quả thật, thân phận người con gái muôn đời sau vẫn bất hạnh:

*Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu*

hay:

*Thân em như dải lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai*

d) Vẽ lại hình ảnh một xã hội đảo điên nơi đồng tiền lên ngôi với giá trị vạn năng, không có pháp luật hay công bằng

- Truyện Kiều là tiếng khóc đứt ruột của những mảnh đời bất hạnh, sự bất hạnh đó, chung quy lại cũng vì đồng tiền. 17 lần Nguyễn Du chấm bút viết về sự hung hiểm, hai mặt của đồng tiền, trong đó tiêu biểu kể đến câu:

*Trong tay sẵn có đồng tiền
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì!*

- Ở Truyện Kiều, “đồng tiền lăn tròn trên lưng người, đồng tiền làm cho trái hóa phải, đen hóa trắng và làm bà góa phụ trở thành cô dâu mới”. Ở nơi đó, đồng tiền sai khiến lương tri, che mờ trái tim, vắt kiệt tình người:

*Một dây vô lại buộc hai thâm tình.
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rụng rời khung dệt, tan tành gói may.
Đồ tể nhuyễn, của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.*

hay:

Làm cho khóc lại chẳng qua vì tiền

* **Hình tượng đồng tiền:** Đồng tiền xuất hiện trong truyện Kiều như một hình tượng đặc biệt, chi phối tất cả các sự kiện tình tiết khác. Chưa ở một tác phẩm nào, thế lực của đồng tiền lại bị phanh phui một cách trần trụi đến thế:

“Đồng tiền đã muốn làm chủ thế gian. Đồng tiền đã chà đạp lên đạo lý thần thánh của phong kiến. Trung, hiếu, tiết, hạnh, tài hoa, nhan sắc như cô Kiều đã bị đồng tiền làm cho ba chìm bảy nổi, đã hóa cô Kiều thành món hàng xa xỉ của thế gian... Mọi sinh hoạt xã hội đều quay về đồng tiền” (Lê Duẩn).

- Quan lại có kẻ vì tiền mà hành hạ con người, nho sĩ có kẻ vì tiền mà lưu manh hóa, bọn buôn thịt bán người tất cả vì tiền mà bày ra trăm phương nghìn kế để bẫy người phụ nữ, bắt họ phải đem thân ra làm món hàng cho chúng buôn bán, kiếm chác... Cũng chưa bao giờ trong một tác phẩm tự sự, qua những lời phát biểu trực tiếp của tác giả, hay qua ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật, tác dụng của đồng tiền lại được bóc trần nhiều lần đến thế. Sự xuất hiện của đồng tiền khiến tất cả các nhân vật đều trở thành con rối của nó.

- Ở con mắt Nguyễn Du, đồng tiền đã làm trụy lạc nhân phẩm, mục nát bộ máy phong kiến thống trị, biến con người thành một thứ hàng hóa, phá tan các gia đình, hủy hoại tự do và hạnh phúc cá nhân. Quan lại vì tiền mà bỏ công lý. Sai nha vì tiền mà tra tấn người vô tội, cướp bóc tài sản người lương thiện. Mã Giám Sinh, Tú Bà cậy tiền mà hành hạ người tài sắc. Sở Khanh vì tiền mà bày mưu đặt kế cho Tú Bà xô đẩy Kiều vào nghề “đưa người cửa trước rước người cửa sau”. Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tham tiền mà lừa Kiều đem bán cho lầu xanh. Hồ Tôn Hiến dùng tiền lung lạc Kiều, “lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu”, tiêu diệt Từ Hải. Tiền đã đè đầu đè cổ mọi luân thường đạo đức: gia đình Kiều bị đổ oan, bắt bớ, tra tấn, nhưng công lý cũng chỉ lên tiếng khi “Có ba trăm lạng việc này mới xong”

2. Truyện Kiều – bức tranh hiện thực phơi bày số phận con người bị chà đạp, áp bức, đặc biệt là bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

Bên cạnh đó *Truyện Kiều* còn lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo đã chà đạp lên quyền sống của con người, đề cao tự do và công lý: “Truyện Kiều là một tiếng khóc vĩ đại. Nguyễn Du đã nhìn thấy, đã cảm xúc, đã tổng kết hàng vạn vạn đau khổ của người đời dưới chế độ phong kiến suy đồi” (Xuân Diệu).

Trong một xã hội trọng nam khinh nữ, mọi người con gái đều bị tước đoạt đi những quyền cơ bản và chính đáng nhất của con người: từ quyền được yêu, quyền được sống, đến quyền được hưởng hạnh phúc. Người phụ nữ như món hàng rẻ rúng, bị mua qua bán lại, bị đánh đập tàn nhẫn như vật vô tri vô giác. Thuý Kiều điển hình cho người phụ nữ trong xã hội xưa, mười lăm năm lưu lạc của nàng là một chuỗi bi kịch. Dường như bao nhiêu nỗi cực khổ của người đàn bà thời trước đều ập xuống vai nàng.

Nhà văn Phạm Quỳnh từng ca ngợi: “Thuý Kiều có cái đức nghiêm của người phụ nữ mà lại có cái vẻ phong tình của khách phong lưu, đức hạnh đủ khiến kính, tài tình đủ khiến yêu, giá trị đủ khiến quý, thân thể đủ khiến thương”. Ấy vậy mà, từ một cô tiểu thư khuê các, Kiều trở thành hàng hoá để cho người ta mua bán, rồi Kiều bị lừa gạt bị rơi vào lầu xanh tới hai lần, đem thân đi làm lẽ, làm đũa ở, rồi bị đánh đòn, lăng nhục trở thành tội phạm ở công đường, bị sỉ nhục, đầy đọa khiến cuối cùng phải tự vẫn. Cuộc đời Thuý Kiều là một bản cáo trạng danh thép tố cáo xã hội phong kiến bất nhân

Kết: Tóm lại, *Truyện Kiều* là một tác phẩm văn học vĩ đại, một bức tranh hiện thực tuyệt vời về những đau khổ của con người dưới chế độ phong kiến suy tàn, và là lời phản kháng, bản cáo trạng chống bọn thống trị đương thời. Đó cũng là tiếng nói của một tâm hồn cao cả, tiếng đập của một trái tim lớn đầy tình nhân đạo, đau xót vì số phận con người. Vậy nên, không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Phạm Quỳnh nhận xét: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn.”



B. Thùy Linh: **GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO**

+ “Truyện Kiều” là tiếng nói thương cảm, là tiếng khóc đau đớn trước số phận bi kịch của con người. Thúy Kiều là nhân vật mà Nguyễn Du yêu quý nhất. Khóc Thúy Kiều, Nguyễn Du khóc cho những nỗi đau lớn của con người : tình yêu tan vỡ, tình cốt nhục lìa tan, nhân phẩm bị chà đạp, thân xác bị dày dụa...

+ “Truyện Kiều” đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, những khát vọng chân chính.

- Hình tượng nhân vật Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn, hiểu hạnh phúc đường là nhân vật lí tưởng, tập trung những vẻ đẹp của con người trong cuộc đời.

- "Truyện Kiều" là bài ca về tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy. Bước chân “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” của Kiều đến với Kim Trọng đã phá vỡ những quy tắc thánh hiền về sự cách biệt nam nữ.

- “Truyện Kiều” là giấc mơ về tự do và công lí. Qua hình tượng Từ Hải, Nguyễn Du gửi gắm ước mơ anh hùng “đội trời đạp đất” làm chủ cuộc đời, trả ân báo oán, thực hiện công lí, khinh bỉ những "phường giá áo túi cơm".

• **VỀ NGHỆ THUẬT**

A. Thanh An: **NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN KIỀU**

Phần I: GIỚI THIỆU: Xưa nay đã có rất nhiều những công trình nghiên cứu phê bình lớn về ” Truyện Kiều” và đã có không ít những cách đánh giá, nhìn nhận khác nhau. Về nội dung tư tưởng còn có nhiều ý kiến khác nhau nhưng về nghệ thuật thì xưa nay ai ai cũng cho là tuyệt diệu.

Phải nói nét độc đáo nhất trong nghệ thuật “Truyện Kiều” là bút pháp xây dựng nhân vật. Với tài năng sáng tạo bậc thầy, Nguyễn Du đã thành công trong việc xây dựng một hệ thống nhân vật đa dạng, phong phú và sinh động. Thành công của Nguyễn Du đã đánh dấu bước phát triển của nghệ thuật xây dựng nhân vật của loại hình tự sự trong Văn học Trung đại (đặc biệt là với thể loại Truyện Nôm), đồng thời cũng khẳng định sức sáng tạo tuyệt vời của Nguyễn Du trong quá trình chuyển đổi cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân thành tác phẩm của mình.

I- Miêu tả nhân vật qua ngoại hình.

1- Bút pháp tương trưng, ước lệ.

Đây là một loại bút pháp khá quen thuộc của văn học cổ Việt Nam được thể hiện rõ ở những nhân vật chính diện. Trong “Truyện Kiều” ngoại hình nhân vật là những qui phạm, những hình ảnh, chữ nghĩa có sẵn, tiêu biểu là trong nghệ thuật miêu tả: Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải.

Trong đoạn trích “chị em Thúy Kiều”, trước khi miêu tả vẻ đẹp của từng người, Nguyễn Du đem đến cho chúng ta những cảm nhận chung về vẻ đẹp của hai chị em. Đúng là những trang tuyệt sắc giai nhân:

“Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.
Mai cốt cách tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”.

Bút pháp ở đây mang tính ước lệ, tượng trưng, tác giả mượn vẻ đẹp của tự nhiên để nói lên vẻ đẹp của con người, cả hai chị em đều có vóc dáng thanh tao, tâm hồn trong trắng như tuyết. Song mỗi người lại có một vẻ đẹp riêng và đều đạt đến độ hoàn mỹ “mười phân vẹn mười”.

Ở đây Thúy Vân là:

“Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.”

Không chỉ tươi tắn trẻ trung mà còn kiều diễm. Nguyễn Du lấy thiên nhiên làm tiêu chuẩn cho sắc đẹp của con người. Ở đây, Thúy Vân được so sánh với trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc – những biểu tượng của thiên nhiên. Thúy Vân khuôn mặt tròn trịa, đầy đặn, sáng đẹp như trăng rằm, tiếng nói trong như ngọc, mái tóc mượt mà óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp của một cô gái phúc hậu, đoan trang, một vẻ đẹp khiến thiên nhiên phải nhún nhường, phải chịu thua bức chân dung đẹp và có hồn, vừa bộc lộ tính cách, vừa dự báo số phận nhân vật: một tương lai êm đềm, hạnh phúc sẽ đến với Thúy Vân, chỉ có thể có được ở con người mắt nhìn người sâu sắc và nghệ thuật miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

Chân dung Thúy Kiều nổi bật trên nền chân dung Thúy Vân:

“Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So về tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.

Thúy Vân đã được miêu tả như một cô gái đẹp hoàn hảo. Thúy Kiều vượt lên trên cái đẹp hoàn hảo ấy để trở thành một cái đẹp tuyệt đỉnh. Vẫn bằng bút pháp ước lệ, tượng trưng, khi tả Thúy Kiều, Nguyễn Du chuyển sang châm phá theo kiểu “điểm nhãn”, cốt nêu bật cái thần của vẻ đẹp Thúy Kiều, tập trung vào đôi mắt:

“Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.

Đôi mắt Kiều được ví như “làn nước mùa thu”: làn nước mùa thu vừa trong sáng, vừa long lanh, vừa gọn sóng, lại được ẩn dưới nét lông mày thanh tú, mềm mại như dãy núi mùa xuân, càng thêm cái hài hoà kiều diễm. Quả là, Kiều có vẻ đẹp “sắc sảo mặn mà” nàng không chỉ là bậc mỹ nhân có thể khiến cho “thành nghiêng nước đổ” nàng còn có sự sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Nếu vẻ đẹp của Thúy Vân khiến cho thiên nhiên phải nhường nàng, thì vẻ đẹp của Thúy Kiều làm cho hoa cũng phải “ghen”, liễu cũng phải “hờn”.

Ca dao từng có câu:

“Một vừa hai phải ai ơi,
Tài tình chỉ lắm cho trời đất ghen”.

Nguyễn Du cũng linh cảm như vậy về số phận nàng Kiều và ông đã lồng sự linh cảm đó trong bút pháp tài hoa miêu tả nàng. Vẻ đẹp của nàng đã làm cho tạo hoá thiên nhiên phải ghen ghét đố kỵ nên số phận nàng sẽ có éo le, đau khổ, gian truân...

Nhân vật tiếp theo cũng được Nguyễn Du miêu tả với ước pháp ước lệ, tượng trưng là Kim Trọng. Chàng được miêu tả với nét bút phác hoạ về các phương diện cần thiết khi nói đến một nhân vật thư sinh phong kiến: con tuấn mã; chú tiểu đồng, trang phục, danh tính, gia thế tài năng, học thức. Chàng xuất hiện:

”Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con.
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.
Nền phú hậu bậc tài danh,
Văn chương nét đất thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tót vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.”

Nguyễn Du đã giành cho chàng những ngôn ngữ đẹp nhất, trang trọng nhất, những tình cảm ưu ái nhất khi nói về chàng. Chàng không những là người phong nhã, thanh lịch mà còn có một xuất thân quyền quý: “nhà trâm anh”, “nền phú hậu”, một người có sự phú bẩm rộng rãi của tạo hoá, sự phong phú về tài hoa, trí tuệ “phong tư tài mạo” cũng như trong ứng xử tuyệt vời của chàng. Chàng được xây dựng như một hình mẫu thư sinh lý tưởng.

Và đây, nhân vật Từ Hải, một nhân vật xuất hiện trước mắt mọi người và Thúy Kiều với tầm vóc, dung mạo khác thường:

“Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao”.

Ngôn ngữ miêu tả ngoại hình ở đây cũng không vượt ra ngoài tính chất công thức ước lệ với những chi tiết đã được quan niệm thẩm mỹ phong kiến quy định cho loại nhân vật anh hùng. Nguyễn Du đã khắc hoạ nhân vật như mang nét khoẻ mạnh, cao lớn, đường bệ lẫm liệt nhằm thể hiện vẻ phi thường, hơn đời của Từ Hải.

“Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài”

Vẻ đẹp của Từ Hải được Nguyễn Du miêu tả với những từ tôn xưng: Đấng anh hào; những từ có khí phách mạnh mẽ: Đường đường, hơn sức, gồm tài, đội trời, đạp đất, vẫy vùng...

Nói tóm lại, cũng là bút pháp ước lệ, tượng trưng, nhưng mỗi nhân vật lại có một nét khác biệt trong tính cách: Thuý Vân đoan trang phúc hậu; Thuý Kiều sắc sảo mặn mà, Kim Trọng hào hoa phong nhã; Từ Hải gắn với tính cách phi thường của bậc anh hùng hảo hán. Tất cả những nhân vật chính diện này Nguyễn Du đều giành cho họ những tình cảm trân trọng, đẹp đẽ, ông dùng những từ ngữ đẹp nhất để ngợi ca họ.

2- Bút pháp hiện thực.

Bút pháp này được sử dụng ở những nhân vật phản diện, dưới những nét vẽ chân thực, sinh động có tính cá thể, tạo nên những diện mạo đặc sắc: Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà... Mã Giám Sinh là một nhân vật tiêu biểu, được giới thiệu ở đoạn trích “Mã Giám Sinh mua Kiều”. Chân dung của y hiện lên thật nực cười:

“Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao”.

Câu thơ miêu tả khách quan mà vẫn không che dấu được cái ý ngầm mỉa mai bên trong. Cách phục sức dụng công cố làm ra vẻ phong lưu, lịch sự của tay con buôn đó phảng phất tính giả tạo và có phần trai lơ, đáng điểm. Miêu tả ngoại hình anh chàng họ Mã nhưng không thể xác định được chính xác về dung mạo như Kim Trọng, Từ Hải... tác giả chỉ chú trọng miêu tả phục sức bề ngoài giả mà cố tô cho thành trẻ, là con buôn nhưng lại muốn mượn vẻ phong lưu của một công tử đi hỏi vợ. Những từ “nhẵn nhụi”, “bảnh bao” vốn đã không hàm ý đẹp lại có ở một kẻ ngoại tứ tuần, càng gọi một cái gì không lương thiện, có ý chế giễu, mỉa mai. Còn trong “Kim Vân Kiều truyện” Thanh Tâm Tài Nhân chỉ giới thiệu qua nhưng là một lời miêu tả khá ưu đãi với Mã Giám Sinh: “Mụ Hàm nói xong đi ra, hồi lâu đưa mấy người đến, trong bọn có một người đẹp đẽ, bước tới chào và ngắm nghía Thuý Kiều mãi”.

Như vậy, ta có thể thấy chỉ bằng vài nét chấm phá Nguyễn Du đã phác hoạ khái quát chân dung của một loại người xấu xa trong xã hội, dung mạo của một con buôn lưu manh chuyên nghiệp, bất nhân vì tiền.

II- Miêu tả nhân vật qua cử chỉ, hành động.

So với thế giới nhân vật trong “Kim Vân Kiều truyện” hành động của các nhân vật trong “Truyện Kiều” chỉ được kể lại vắn tắt nhưng vẫn bộc lộ rõ bản chất từng nhân vật. Trong quá trình sáng tác Nguyễn Du đã lược bỏ những cử chỉ hành động không phù hợp với tính cách nhân vật đồng thời ông cũng sáng tạo thêm nhiều những chi tiết mới để soi sáng cho tính cách. ở phần này, tôi lựa chọn một số nhân vật với những cử chỉ, hành động tiêu biểu để thể hiện tính cách.

Mã Giám Sinh sau khi làm lễ “vấn danh” được mụ mối đưa vào “lầu trong” lúc này bản chất con người hần mới dần dần được bộc lộ:

“Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,”

Chỉ bằng cử chỉ “ngồi tót” Nguyễn Du đã phơi bày chân tướng vô học bản chất con buôn của Mã Giám Sinh. Đó là một cử chỉ vội vàng và khiếm nhã, không phù hợp với địa vị người đi hỏi vợ và không đúng với phẩm cách văn hoá của một Giám Sinh.

Cũng cùng bọn người xấu xa, lừa lọc, Sở Khanh đã trở thành một nỗi lo sợ cho những bạn gái nào đang độ tuổi yêu đương... chỉ bằng một hành động “lên”, một cử chỉ “lắm nhảm gât đầu”, Nguyễn Du đã lột trần bộ mặt đáng ghê sợ của Sở Khanh khi đánh lừa Kiều:

“Tường đông lay động bóng cành,
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào”.

Rồi nghe Kiều ân cần kẻ lẽ, hần:

“Lắng nghe lắm nhảm gât đầu,
Ta đây nào phải ai đâu mà rằng”.

Cử chỉ “lắm nhảm” của Sở Khanh có một cái gì đó rất ám muội, không được ngay thẳng nên nó không mang dáng vẻ của một con người tử tế.

Đó là cử chỉ của những loại người lưu manh, xảo trá còn Hồ Tôn Hiến, một viên quan đại thần thì sao? Hắn được sai đi dẹp loạn đã tìm cách mua chuộc Kiều, lừa hại chết Từ Hải. Sau đó, hắn còn ép Kiều hầu hạ dưới màn, làm nhục Kiều:

“Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình”.

Đằng sau vẻ uy nghiêm của một viên quan đại thần, trước vẻ đẹp của Kiều, Hồ Tôn Hiến cũng phải “ngây vì tình”, hành động “ngây” đã bộc lộ rõ một hình ảnh si mê thấp hèn...

Ngoài những cử chỉ của những loại người trên trong “Truyện Kiều” chúng ta còn thấy có cử chỉ “xăm xăm” của Thuý Kiều, “thoăn thoắt” của

Kim Trọng khi họ đến với nhau. Nhân dịp gia đình Kiều về quê mừng thọ đã cho rằng đây một thời cơ tốt để gặp Kiều:

“Thời chân chân thức sẵn bày,
Gót sen thoăn thoắt dạo ngang mái tường”.

Còn Kiều, vì tình yêu, vì khao khát hạnh phúc, được tâm sự với người yêu, nàng đã:

“Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”.

Với cử chỉ “xăm xăm”, “thoăn thoắt”, Kiều và Kim Trọng đã bộc lộ rõ họ là những con người dám sống cho tình yêu, họ đã vượt ra khỏi lễ giáo phong kiến để hành động theo sự mách bảo của trái tim.

Tóm lại, những từ “tốt”, “lên”, “lắm nhảm”, “xăm xăm”, “thoăn thoắt”, là những từ rất chính xác, rất đắt chỉ có ở Nguyễn Du, chứ không có ở “Kim Vân Kiều truyện”. Nhờ thể nhân vật trong “Truyện Kiều” hiện lên cụ thể, sinh động hơn nhiều so với nhân vật của Thanh Tâm Tài Nhân.

Với Nguyễn Du, miêu tả nhân vật qua nội tâm, khám phá các trạng thái tâm lý của một con người đã trở thành một yếu tố đặc biệt quan trọng để xây dựng tính cách và đã có thành tựu rực rỡ.

III- Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ tự sự:

ở đoạn “Mã Giám Sinh mua Kiều” trong cảnh mua bán Thuý Kiều là hiện thân của con người lương thiện bị chà đạp của tài sắc bị dập vùi thảm thương. Nguyễn Du càng căm ghét tên buôn người Mã Giám Sinh bao nhiêu thì càng căm thương sâu sắc trước nỗi đau xót nhục nhã ê chề của cô gái tài hoa bấy nhiêu, Kiều là một trang quốc sắc thiên hương, vậy mà bị đem ra mua bán như món hàng ngoài chợ. Nguyễn Du kể mà như nhập vào nhân vật, cũng đau xót với nhân vật:

“Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng.
Ngại ngừng dín gió e sương,
Ngừng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai”.

Sáu dòng thơ mô tả nỗi uất ức, xót xa, tủi nhục của một trang tuyệt sắc giai nhân trước sự mua bán trơ trẽn của bọn buôn người. Từ đầu đến cuối, Kiều không hề nói một lời, chỉ có nỗi buồn hiện ra qua từng bước chân, nét mặt. ở đoạn này trong “Kim Vân Kiều truyện” Thanh Tâm Tài Nhân để Thuý Kiều lên tiếng năm lần, trong đó có hai lần tham gia vào mặc cả như sau:

“Thuý Kiều nói:

– Bán mình mà không được việc thì bán để làm gì?

Người ấy nói:

– Thôi xin đưa bốn trăm lạng.

Thuý Kiều nói:

– Không phải năm trăm lạng là không được”.

Rõ ràng sự căm lạnh, những giọt nước mắt lạnh lẽ của Thuý Kiều, trong Truyện Kiều của Nguyễn Du hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh và tâm trạng bị kịch, với tính cách của nàng.

Đoạn “Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều”, bút pháp miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du lại hiện lên rõ nét:

“Người lên ngựa kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất đã mấy ngàn dây xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vàng trắng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường”.

Đoạn thơ nói lên sự chia biệt giữa Thúc Sinh và Thuý Kiều. Đây là một cuộc chia cách đầy lưu luyến giữa một đôi trẻ. Họ đã từng có những tháng ngày bên nhau đầy hạnh phúc mặn nồng. Mặc dù, Thúc Sinh không phải là mối tình đầu lãng mạn cao đẹp như với chàng Kim, nhưng ở bên Thúc Sinh, Kiều có một cuộc sống êm ấm, trong sạch, hoà thuận cả hai cùng không muốn rời nhau nhưng họ vẫn phải xa nhau. Lần này Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều để về nói cho Hoạn Thư biết việc mình đã lấy Kiều làm lẽ. Kiều linh cảm cuộc chia tay lành này lành ít giữ nhiều. Vì thế mà “người lên ngựa” đã đi rồi, chỉ còn lại mình Kiều với nỗi buồn chia cách. Thiên nhiên quanh nàng cũng trở nên mênh mông dãn trải, hiu hắt: một màu quan san (màu của chia ly, cách biệt), một ngàn dâu vô tận, một vàng trắng đơn chiếc, không trọn vẹn... cũng nói về cảnh chia ly, trong “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn cũng có hình ảnh tương tự:

“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh biếc mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai...”

Trong thơ của Nguyễn Du Kiều hiện lên với những tâm sự rất chân thành sâu sắc, điều đó chứng tỏ Nguyễn Du đã phải nhập thân vào nhân vật mới viết được những dòng xúc động như thế.

Đoạn miêu tả tiếng đàn của Kiều khi bị Hồ Tôn Hiến làm nhục sau khi lừa Kiều, xúi giục Từ Hải ra hàng và chàng đã bị chết đứng:

“Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay”.

Nguyễn Du đã dùng tiếng đàn bi thảm “gió thảm mưa sầu”, “nhỏ máu” để cụ thể hoá tâm trạng và vận mệnh của Kiều. Trong các lần gảy đàn của Kiều, không lần nào tiếng đàn bi thiết, đau thương như lần này. Tiếng đàn bật máu, tiếng đàn mang cái chết của Từ Hải và cái chết trong tâm hồn Kiều. Một cõi lòng đã dập tắt mọi niềm hạnh phúc, ước mơ. Chúng ta thấy dường như Nguyễn Du cũng đang tan nát cõi lòng, cũng đang nhỏ máu tâm hồn cùng nàng Kiều.

Qua những đoạn thơ trên, Thuý Kiều hiện lên với tất cả trạng thái phức hợp: Có nỗi buồn tui, xót xa, đau đớn, ê chề, hổ thẹn, nhớ nhung với những rung động rất đời, rất thực.

Như vậy, có thể nói với bút pháp miêu tả bậc thầy, Nguyễn Du đã xây dựng lên chân dung Thuý Kiều không chỉ tuyệt thế giai nhân mà còn có thể giới nội tâm phong phú, sinh động, khiến nàng trở nên gần gũi với đời thực hơn – điều này chỉ có ở Nguyễn Du chứ không thể có trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân – Trung Quốc.

IV- Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại:

ở đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” Nguyễn Du thành công khi sử dụng loại ngôn ngữ độc thoại nội tâm để khám phá chiều sâu tư tưởng, tình cảm con người, hiểu được tâm trạng nỗi niềm của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

“Trông người dưới Nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ”.

Người đầu tiên xuất hiện trong nỗi nhớ của Kiều là chàng Kim, nàng tưởng nhớ hình ảnh hai người uống rượu thề nguyền dưới đêm trăng mới hôm nào, trước đó:

“Vàng trắng vàng vạc giữa trời,
Đinh ninh hai miệng một lời song song”.

Và Kiều thấy thương Kim Trọng vẫn chưa biết Kiều đã không giữ trọn lời thề, vẫn đêm ngày trông chờ nàng một cách uổng công. Từ nhớ chàng Kim, nàng lại thấy thương mình:

“Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?”

Nàng thấm thía với tình cảnh bơ vơ, tro trọi của mình nơi “bên trời góc bể” và nuối tiếc mối tình đầu trong trắng, “tấm son” ở đây là tấm lòng chung thủy sắc son của Thuý Kiều đối với Kim Trọng. Bao giờ có thể quên được mối tình đó. Cũng có thể hiểu tấm lòng trong trắng của Thuý Kiều bị dập vùi, hoen ố, biết bao giờ mới có thể gột rửa được?

Như vậy, ta có thể thấy Kiều đã nhớ Kim Trọng với một tâm trạng đau đớn, xót xa, nàng quả là một người tình chung thủy.

Trong dòng suy nghĩ miên man, nàng hết nhớ người yêu lại nhớ đến cha mẹ:

“Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ẩm lạnh những ai đó giờ?
Sân lai cánh mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm”.

Kiều đã hình dung ra cảnh tượng sớm hôm cha mẹ tựa cửa ngóng trông tin tức của nàng. Nàng lại day dứt không nguôi là giờ đây ai là người phụng dưỡng cha mẹ đang ngày một già yếu.

Chỉ bốn câu thơ độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã khắc họa được tấm lòng hiếu thảo của Thuý Kiều đối với cha mẹ.

Suốt quãng đời mười lăm năm đoạn trường lưu lạc, Nguyễn Du đã nhiều lần để Kiều độc thoại để từ đó bộc lộ chính mình.

Có lúc, nàng đau đớn, dằn vặt, xót xa sau những đêm bướm là ong lời và cuộc say đầy thán:

“Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót xa”.

Có khi nàng băn khoăn, trăn trở, hãi hùng về cuộc sống, về tương lai, về thân phận luôn ám ảnh day dứt nàng:

“Một mình lưỡng lự canh chày,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh”.

Rồi khi nàng khuyên Từ Hải ra hàng, ngôn ngữ độc thoại đã bộc lộ rõ những nét tâm lý rất thực của một cô gái nửa đời nếm trải đủ mùi đắng cay:

“Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
Bằng tay chịu tiếng vương thân,
Thên thên đường cái thanh vân hẹp gì!
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi cũng liệu về cố hương.
Cũng ngồi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha...”.

Qua đoạn thơ, ta thấy tâm lý của Kiều hiện lên rất thực: nàng biết khi Từ Hải ra hàng thì phải chịu thiệt thòi, phải mang tiếng vương thân, song bên cạnh đó là cả một tương lai tươi sáng, rục rịch đã nói lên nhiều điều lợi, dù sao Kiều chỉ là một nạn nhân mà nguyện vọng duy nhất là được sống yên ổn, lương thiện và trong sạch.

Có thể nói với những yếu tố ngôn ngữ độc thoại như trên, nàng Kiều hiện lên như một người trần tục với tất cả những tình cảm, suy nghĩ, lo toan rất thực, rất đời thường, nàng trở nên gần gũi với người đọc hơn. Đạt được điều đó phải chăng đó chính là trình độ bậc thầy của Nguyễn Du trong việc khám phá thế giới nội tâm con người, đặc biệt là những người phụ nữ.

V- Khắc hoạ tính cách nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại.

Đề nhân vật của mình được hiện lên đầy đủ, toàn diện, Nguyễn Du đã miêu tả họ với cái nhìn nhiều chiều, có khi là miêu tả ngoại hình, có khi miêu tả nội tâm, có khi lại thông qua ngôn ngữ đối thoại của họ để thấy được tính cách sống động của mỗi nhân vật.

ở đoạn trích “Thúy Kiều báo ân, báo oán” ngôn ngữ đối thoại được thể hiện rõ ràng hơn cả. Có hai cuộc đối thoại: đối thoại giữa Kiều với Thúc Sinh và đối thoại giữa Kiều với Hoạn Thư và giữa Hoạn Thư với Kiều. Kiều được Từ Hải – người anh hùng cứu ra khỏi lầu xanh, giúp nàng báo ân, trả oán. Đưa nàng từ thân phận của một kỹ nữ chốn lầu xanh nhỡ bản lên thân phận của một mệnh phụ phu nhân, bước lên địa vị một quan toà cầm cân công lý. Trong phiên toà nàng cho gọi những người đã từng có ân, có oán với nàng đến. Người đầu tiên được Kiều mời đến là Thúc Sinh, thấy hình ảnh tội nghiệp của Thúc Sinh nàng đã cất lên tiếng hàm ơn:

“Nàng rằng: Nghĩa nặng nghìn non,
Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không?
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?”.

Rõ ràng là Kiều vẫn rất nhớ tấm lòng và sự giúp đỡ mà Thúc Sinh đã giành cho nàng trong cơn hoạn nạn. Nàng gọi đó là “nghĩa nặng nghìn non”. Nghĩa là nàng vẫn nhớ tới công ơn của Thúc Sinh đã đưa Kiều ra khỏi lầu xanh, cứu nàng thoát khỏi cuộc đời ô nhục đem lại cuộc sống gia đình êm ấm.

Đối thoại với Thúc Sinh, Kiều nói bằng một ngôn ngữ rất trang trọng: “nghĩa nặng nghìn non”, “chẳng vẹn chữ tòng”... hầu hết là những từ Hán Việt, lại dùng cả điển cố... Cách nói đó phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc và biểu lộ được tấm lòng biết ơn chân thành của Kiều.

Thúy Kiều cũng nói với Thúc Sinh rằng: Kẻ gây ra sự chia cách giữa hai người không phải do chàng mà là do vợ chàng. Nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư, Kiều không sao nguôi được sự oán giận với những khổ đau mà Hoạn Thư đã gây ra cho nàng, vết thương đó còn đang quá xót xa trong lòng nàng, cho nên nàng không thể không căm giận:

“Vợ chàng quý quái tính ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa”.

Nếu nói với Thúc Sinh, Kiều nói bằng một ngôn ngữ trang trọng, thì nói về Hoạn Thư, Kiều lại nói bằng một ngôn ngữ hết sức nôm na bình dị, Kiều sử dụng những thành ngữ quen thuộc, đó là lời ăn tiếng nói của nhân dân.

Qua ngôn ngữ đối thoại của Kiều với Thúc Sinh, ta thấy tính cách của nàng đã bộc lộ khá rõ ràng, nàng xử đúng người đúng tội, báo ân đối với người đáng báo ân, đồng thời thấy được nàng là một người sống có tình có nghĩa, có trước có sau.

Sau khi trả ơn Thúc Sinh, bà quản gia nhà họ Hoạn và sư Giác Duyên, Thúy Kiều mới bước vào cuộc báo thù:

“Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư”.

Thúy Kiều thoát trông thấy Hoạn Thư đã cất tiếng chào mỉa mai: “Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!” Kiều dùng cách xưng hô như hồi còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn trong hoàn cảnh thứ bậc đã đổi ngôi.

Tiếp theo lời chào mỉa mai là những lời mắng nhiếc, xỉ vả:

“Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều”.

Với một kẻ như Hoạn Thư:

“Bề ngoài thon thót nói cười,

Bè trong nham hiểm giết người không dao”.

thì những lời mắng nhiếc xi và ầy của Kiều là đích đáng lắm.

Trước những lời nói mỉa mai, đay nghiến đó của Kiều, Hoạn Thư đã xử trí ra sao?

Lúc đầu, “Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu”, nhưng sau đó “Hoạn Thư đã liệu đều kêu ca”. Trước hết Hoạn Thư gỡ tội cho mình bằng cách dựa vào tâm lý thường tình của người phụ nữ:

“Rằng: tôi chút phận đàn bà,

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình”.

Hoạn Thư nói rằng tội của tôi là tội ghen tuông, mà tội ấy thì ở người đàn bà nào mà chẳng có. Vậy là, đã đánh thức được ở Kiều lòng thông cảm với người cùng giới. Quả thực, ngay từ đầu Hoạn Thư đã tỏ ra thông minh giao hoạt.

Tiếp theo, Hoạn Thư lại gọi chút “ân tình” ngày xưa: một là, đã cho Kiều xuống Quan Âm các “giữ chùa chép kinh”, không bắt làm thị tì nữa; hai là, khi Kiều bỏ trốn mang theo chuông vàng khánh bạc, Hoạn Thư cũng không cho người đuổi bắt. Cách nói rất khéo chỉ gợi sự thật và chuyện cũ ra, chỉ người trong cuộc mới biết.

“Nghĩ cho” là nhớ lại cho, suy nghĩ lại cho:

“Nghĩ cho khi gác viết kinh,

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo”.

Đối với Kiều, Hoạn Thư đã từng nói với Thúc Sinh: “Rằng: tài lên trọng mà tình lên thương”. Tuy “chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai”, nhưng trong thâm tâm, Hoạn Thư rất “kính yêu” Thúy Kiều. Cuối cùng Hoạn Thư tự nhận tội của mình và xin Kiều rộng lòng tha thứ:

“Trót lòng gây việc chồng gai,

Còn nhờ lượng bề thương bài nào chẳng?”

Lời gỡ tội của Hoạn Thư vừa có lí, vừa có tình. Lời cầu xin đúng mực, chân thành, Kiều đã phải thừa nhận cái thông minh, giao hoạt của Hoạn Thư và ban một lời khen:

“Khen cho: thật đã nên rằng,

Khôn ngoan đến mức nói năng phải lời”.

Không thể là người “nhỏ nhen” Kiều đã tha tội cho Hoạn Thư:

“Đã lòng tri quá thì nên,

Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay”.

Sự việc diễn ra quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Vốn là một người phụ nữ trung hậu, đã từng nếm trải bao cay đắng và ngang trái trong cuộc đời, và lại Kiều cũng tự biết rằng mình đã xâm phạm đến hạnh phúc của người khác. Tha tội cho Hoạn Thư, Kiều tỏ ra vô cùng cao thượng.

Như vậy, với màn báo ân báo oán ta thấy hết được những sáng tạo của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du. Cảnh pháp trường thời trung cổ được miêu tả ước lệ mà không kém phần uy nghiêm. Lời thoại rất gọn mà sắc đã làm nổi bật tâm lý, tính cách nhân vật Thúc Sinh lạnh mà nhát sợ; Hoạn Thư thì khôn ngoan, sắc sảo; Kiều rất trung hậu, cao thượng, bao dung.

Nguyễn Du đã sáng tạo lên những lời thoại biến hoá đã nói lên chuyện ân oán, cái lẽ đời xưa nay, ca ngợi sự thủy chung tình nghĩa, lên án bọn bạc ác tình ma. Cảnh báo ân, báo oán là một tình tiết rất đậm làm nổi bật tính thần nhân đạo của “Truyện Kiều”.

Phần II - KẾT LUẬN

Như vậy, bằng quá trình lao động nghệ thuật công phu và đầy sáng tạo, với cái nhìn sắc sảo khách quan về cuộc sống, Nguyễn Du đã xây dựng được những nét tính cách đa dạng, hoàn chỉnh và rõ nét. Nhân vật trong “Truyện Kiều” là nhân vật của cuộc đời hiểu theo ý nghĩa xã hội sâu sắc, đúng đắn. Đó không phải là những con người “nhất thành bất biến” đơn giản một chiều chịu sự chi phối của một quan niệm chủ quan. Bên cạnh cái “cốt lõi” của mỗi con người, ta bắt gặp những biến thiên phong phú của những tính cách đa dạng. Qua tìm hiểu “Truyện Kiều” chúng ta có thể thấy nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du rất phong phú đa dạng...

B. Vũ Linh: NGÔN NGỮ TRONG TRUYỆN KIỀU

Tác phẩm là nơi tập trung những cái hay, cái đẹp, cái hoàn thiện của ngôn ngữ văn học dân tộc.

- Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên bậc thầy.

- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

1. Miêu tả thiên nhiên trực tiếp.

Miêu tả là bút pháp khá quen thuộc đối với bất kỳ nhà văn hay nhà thơ nào dù ở nước ngoài hay trong nước. Nhờ bút pháp này mà nó làm cho mỗi bài văn, bài thơ thêm cụ thể hơn, sinh động hơn, gần gũi hơn, hấp dẫn hơn. Có rất nhiều loại bút pháp miêu tả: Có thể là tả cảnh, có thể là tả người... có thể tả trực tiếp, có thể tả gián tiếp (mượn cảnh để tả tình) và không phải tác giả nào cũng thành công ở tất cả các loại bút pháp như vậy, nhưng riêng Nguyễn Du miêu tả là một thiên tài bậc thầy của nền văn học dân tộc.

Ở phần đầu đoạn trích “Cảnh ngày xuân” Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp miêu tả thiên nhiên trực tiếp.

“Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”.

Bốn câu thơ đầu đã mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình, nên thơ. Giữa bầu trời bao la, mệnh mông là những cánh én bay qua, bay lại như “thoi đưa”. Cánh én ngày xuân thân mật biết bao. Hai chữ “đưa thoi” rất gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ miêu tả cánh én như con thoi vút qua, vút lại chao liệng như muốn nói thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh, ngày vui trôi rất nhanh.

Sau cánh én “đưa thoi” là ánh xuân, là “thiều quang” của mùa xuân khi “chín chục đã ngoài 60”. Cách tính thời gian và miêu tả vẻ đẹp mùa xuân của các thi nhân xưa nay thật là hay và ý vị. Nào là “xuân hường lão” (ức Trai), nào cảnh mưa bụi, tiếng chim kêu trong Đường thi, còn là “xuân hồng” (Xuân Diệu), “Mùa Xuân chín” (Hàn Mặc Tử) ... với Nguyễn Du là mùa xuân đã bước sang tháng thứ ba, “thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”. Hai chữ “thiều quang” gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái mệnh mông bao la của đất trời.

Nếu hai câu thơ trên là thời gian, là không gian xuân thoáng đạt, thì 2 câu dưới là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân.

“Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”

Văn cô thi Trung Hoa được Tô Như vận dụng một cách sáng tạo: “Phương thảo liên thiên bích – lê chi sở điểm hoa”: Hai chữ “Trắng điểm” là nhân tự, cách chấm phá điểm xuyết của thi pháp cổ gợi lên vẻ đẹp thanh xuân trinh trắng của thiên nhiên cỏ hoa; bút pháp nghệ thuật phối sắc tài tình: Thảm cỏ xanh non trải rộng tới chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Màu sắc có sự hài hoà đến tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi giàu sức sống.

Như vậy, bằng vài nét chấm phá, miêu tả bậc thầy “Cảnh ngày xuân” trở thành bức tranh xuân hoa lệ, là văn thơ tuyệt bút mà Nguyễn Du trao tặng cho đời, điểm tô cho cuộc sống của mỗi chúng ta. Phải chăng thi sĩ Chế Lan Viên đã học tập Tô Như để viết nên văn thơ xuân tuyệt đẹp này:

“Tháng giêng hai xanh mướt cỏ đời,
Tháng giêng hai vút trời bay cánh én...”

Đó là bức tranh xuân được Nguyễn Du cảm nhận vào buổi sáng, còn bức tranh xuân trong buổi chiều thì sao?

2. Tả cảnh ngụ tình:

Thi nhân xưa thường hay mượn cảnh để tả tình, nhìn cảnh mà thấy được tình. Trong bức tranh “Cảnh ngày xuân” cũng vậy:

“Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.”

Bức tranh ở đây không còn tươi rói, tinh khôi nữa mà dường như đã nhuộm màu tâm trạng. Nguyễn Du thật khéo khi miêu tả thiên nhiên, vẫn là cây cầu nhỏ, khe nước nhỏ, vẫn là cái thanh, cái dịu của mùa xuân, nhưng ông đã tả chúng dưới một góc nhìn khác, một thời điểm khác, nên giữa cảnh và tình có sự giao hoà đồng điệu với nhau. (Trong cái “nao nao” của dòng nước như có cả cái nao nao của lòng Kiều vì sự linh cảm).

Nguyễn Du dùng hàng loạt từ láy để tả sắc thái cảnh vật và tâm trạng của nhân vật: tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, ta như thấy được cảm giác băng khuâng, xao xuyến của chị em Thúy Kiều trên đường trở về sau một ngày du xuân.

Bút pháp tả cảnh ngụ tình ta không chỉ gặp trong “cảnh ngày xuân” mà ta còn thấy trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

“Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.”

Bức tranh lầu Ngưng Bích có những cồn cát nhấp nhô, bát ngát, những bụi sắc đỏ thối bốc lên và xa xa là những dãy núi non trùng điệp và có cả ánh trăng. Cảnh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng, trơ trọi, rợn ngợp ở lầu Ngưng Bích là để làm nổi bật tâm trạng, nỗi buồn, niềm cô đơn buồn tủi của nàng Kiều.

Có thể nói bức tranh trước lầu Ngưng Bích không còn đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà là bức tranh “tâm cảnh” – Trong cảnh có tình, trong tình có cảnh. Thi nhân xưa đã từng nói:

“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”.

Kiều đang trong tâm trạng buồn cô đơn tẻ tái nên nàng nhìn đâu cũng thấy buồn. Tám câu cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” Nguyễn Du tả khung cảnh thiên nhiên xung quanh lầu Ngưng Bích là để tả tâm trạng Thúy Kiều. Đây là một bức tranh phong phú và sinh động về ngoại cảnh và tâm cảnh. Nổi bật trong đoạn thơ là tâm trạng đau buồn da diết của Thúy Kiều:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

Cánh buồm thấp thoáng xa xa trên mặt biển trong buổi chiều tà gợi lên ở nàng nỗi buồn da diết về quê nhà xa cách hay là trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến nhưng vô vọng.

“Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Phải chăng một cánh hoa trôi giữa dòng nước mênh mông là buồn về số phận “hoa trôi bèo dạt” của nàng?

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.”

Cảnh tượng cánh đồng cỏ úa tàn, chân mây mặt đất mờ mịt, xanh xanh phải chăng là nỗi buồn thương vô vọng của nàng?

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”

Gió cuốn mặt duềnh làm cho sóng vỗ ầm ầm ... Cảnh tượng ấy “kêu quanh ghế ngồi” là tâm cảnh, nàng cảm thấy như sóng vỗ dưới chân mình. Đây là tâm trạng hải hùng, lo sợ trước những tai hoạ đang rình rập ập xuống đầu nàng.

Như vậy, bằng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tài hoa, độc đáo, Nguyễn Du đã khắc hoạ được một bức tranh sinh động về ngoại cảnh và tâm cảnh, trong đó nổi lên tâm trạng nàng Kiều bề bộn bao nỗi buồn đau, chua xót, lo sợ, vô vọng...